

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Giáo dục thể chất
Hệ, bậc đào tạo: Đại học/Chính quy
Mã ngành: 7.14.02.06

Thanh Hóa, 2021

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH ĐẠI HỌC GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

(Ban hành theo QĐ số /QĐ-ĐHHD ngày / / của Hiệu trưởng
Trường ĐHHD)

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành GDTC được xây dựng lần đầu tiên vào năm 2015 với hình thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Đến năm 2016 chương trình đào tạo điều chỉnh, bổ sung số tín chỉ cho phù hợp với chương trình đào tạo hiện tại, năm 2017 chương trình được đào điều chỉnh bổ sung làm mới theo hướng lấy người học làm trung tâm, tăng thời gian thực hành thực tập. Năm 2019 chương trình được điều chỉnh làm mới đáp ứng yêu cầu quy định về khung chương trình đào tạo của bộ nhằm nâng cao năng lực đáp ứng nhu cầu đơn vị tuyển dụng và được điều chỉnh theo hướng chuẩn năng lực kiến thức và kỹ năng. Năm 2021 chương trình đào tạo được xây dựng mới và điều chỉnh tập trung kiến thức chuyên môn và phát huy tối đa năng lực người học đáp ứng nhu cầu xã hội. Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên sự kế thừa, vận dụng các chương trình đào tạo GDTC của các trường đại học lớn trong nước như Đại học SP TDTT Hà Nội, Đại học TDTT Đà Nẵng. Trong năm 2021 tiếp tục điều chỉnh phù hợp với sứ mệnh mục tiêu đào tạo của nhà trường.

Chương trình đào tạo ngành Đại học Giáo dục thể chất gồm 49 học phần (tương đương 126 tín chỉ), trong đó có 42 học phần bắt buộc (110 tín chỉ) và 7 học phần tự chọn (16 tín chỉ), được phân bổ trong 8 học kỳ (kỳ 1: gồm 07 học phần, 18 tín chỉ; kỳ 2: gồm 08 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 3: gồm 07 học phần, 18 tín chỉ; kỳ 4: gồm 07 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 5: gồm 06 học phần, 14 tín chỉ; kỳ 6: gồm 06 học phần, 14 tín chỉ; kỳ 7: gồm 05 học phần, 14 tín chỉ; kỳ 8: gồm 04 học phần thay thế/KLTN và thực tập TN, 14 tín chỉ);

- Khối kiến thức lý luận chính trị gồm 06 học phần (13 tín chỉ);
- Khối kiến thức khoa học xã hội gồm 02 học phần (04 tín chỉ);
- Khối kiến thức ngoại ngữ gồm 03 học phần (10 tín chỉ);
- Khối kiến thức KHTN và CNTT gồm 02 học phần (04 tín chỉ);
- Khối kiến thức cơ sở ngành gồm 12 học phần (29 tín chỉ);
- Khối kiến thức ngành gồm 17 học phần (41 tín chỉ);

- Kiến thức bổ trợ gồm 04 học phần (12 tín chỉ);
- Kiến tập, Thực tập (07 tín chỉ);
- Khoá luận TN và HP thay thế (6 tín chỉ)

Ngành Giáo dục thể chất hiện có 6 tiến sĩ và 9 thạc sĩ chuyên ngành, có năng lực công tác tốt, nhiệt huyết trong công việc, được đào tạo bài bản tại các trường đại học uy tín trong và ngoài nước như Trường Học viên Thể thao Thượng Hải, Trường Đại học Vũ Hán – Trung Quốc, Trường Đại học TDTT Từ Sơn – Bắc Ninh... Cơ sở vật chất đào tạo khang trang với hệ thống phòng học được trang bị đầy đủ máy chiếu, âm thanh, ánh sáng và quạt điện; Hệ thống sân bãi, dụng cụ, nhà tập đa năng hiện đại, phòng thực hành tin học được ứng dụng trong giảng dạy nhằm góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học sát với thực tiễn từ đó phát huy và hoàn thiện các năng lực, kỹ năng của học viên.

2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Giáo dục thể chất
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Physical education
Mã ngành đào tạo:	7.14.02.06
Trường cấp bằng tốt nghiệp:	Trường Đại học Hồng Đức
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân
Trình độ đào tạo:	Đại học
Số tín chỉ:	126
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh THPT hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá:	10
Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none"> - Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo (126 tín chỉ); - Điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4); - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam); - Có chứng chỉ quốc phòng.
Vị trí việc làm:	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên tại các trường học. - Vận động viên hoặc huấn luyện viên.
Học tập nâng cao trình độ:	Thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước
Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT: tháng năm 2021

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo Cử nhân Giáo dục thể chất đào tạo giáo viên có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm vững chắc, có khả năng giảng dạy môn Giáo dục thể chất ở Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề; Viên chức làm việc ở các Trung tâm TDTT; Công chức các Phòng văn hóa huyện, tỉnh ở lĩnh vực văn hóa TDTT. Có kiến thức chuyên môn sâu rộng về lý luận và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất, tâm sinh lý, giải phẫu, nguyên lý kỹ thuật, kỹ chiến thuật trong tập luyện và thi đấu, trọng tài các môn thi đấu thể thao và đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục ở Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề; có năng lực ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc chuyên môn; có khả năng học lên ở những bậc học cao hơn để phát triển nghề nghiệp

3.2. Mục tiêu cụ thể:

PO1: Sinh viên được cung cấp hệ thống tri thức lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, Pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng; tạo dựng được niềm tin vững chắc vào vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

PO2: Người học nắm vững kiến thức Ngữ âm, Ngữ pháp, Từ vựng và các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh để có thể giao tiếp được bằng tiếng Anh tương đối thành thạo trong các lĩnh vực đời sống, xã hội

PO3: Người học được cung cấp kiến thức cơ bản và kỹ năng về máy vi tính, hệ điều hành Microsoft Windows, mạng máy tính và Internet, các phần mềm tiện ích thông dụng (trình duyệt Web, thư điện tử), phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft WORD), phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft EXCEL), phần mềm trình chiếu (Microsoft POWERPOINT).

PO4: Người học được cung cấp kiến thức về các đặc điểm tâm lý lứa tuổi, tâm lý học sư phạm, các kiến thức cơ bản về các hoạt động sư phạm trong nhà trường phổ thông, biết cách thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục, hoạt động phát triển nghề nghiệp trong trường phổ thông; Nắm vững những kiến thức về cơ cấu tổ chức, phân cấp, phân quyền trong các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, nắm vững luật, văn bản dưới luật liên quan đến hoạt động giáo dục; Vận dụng linh hoạt vào quá trình học tập và các hoạt động giáo dục trong tương lai.

PO5: Có kiến thức liên môn cơ bản về lịch sử, văn hóa, xã hội và môi trường, từ đó vận dụng vào quá trình học tập và giảng dạy chuyên môn ở Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

PO6: Người học có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, bao gồm các suy luận logic, các phương pháp tính toán, các quy luật và hiện tượng vật lý, các định luật và tính chất hóa học, các quy luật phát triển của tự nhiên; Lập được kế hoạch và tổ chức được

các hoạt động dạy học, vận dụng những kiến thức liên môn giải quyết các vấn đề liên quan trong lĩnh vực chuyên môn cũng như trong cuộc sống.

PO7: Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu về cấu trúc giải phẫu, đặc điểm tâm sinh lý, hình thái chức năng các hệ cơ quan trong cơ thể; các vấn đề về tâm lý trong tập luyện và thi đấu; lượng vận động, quãng nghỉ, cấu trúc buổi tập, bài tập.... đối với các học phần lý luận trong lĩnh vực Giáo dục thể chất như: Tâm lý học thể dục thể thao, lịch sử TDTT & Olympic, sinh lý, giải phẫu, vệ sinh, y học TDTT, lý luận và phương pháp GDTC, đo lường TDTT, quản lý TDTT, sinh hóa TDTT... để giải thích các quy luật, nguyên lý, cấu trúc bài tập, kỹ chiến thuật trong tập luyện và thi đấu các môn thể thao như: Điền kinh, thể dục, trò chơi vận động, đá cầu, cầu lông, võ thuật, quần vợt, cờ vua và các môn bóng vận dụng vào quá trình học tập và giảng dạy Giáo dục thể chất ở Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề; Viên chức làm việc ở các Trung tâm TDTT; Công chức các Phòng văn hóa huyện, tỉnh ở lĩnh vực văn hóa TDTT.

PO8: Hiểu biết có hệ thống các kiến thức về mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, cách đánh giá kết quả giảng dạy các môn thể thao; nguyên tắc, phương pháp giảng dạy Giáo dục thể chất; nguyên lý kỹ thuật các môn thể thao. Giải thích các kiến thức về luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài các môn thể thao.

PO9: Yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức kỷ luật và tác phong chuẩn mực; có năng lực dẫn dắt về chuyên môn GDTC, nghiệp vụ sư phạm; có khả năng đưa ra sáng kiến, đánh giá, kết luận và cải tiến về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ dạy học GDTC; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có khả năng tự học, tự nghiên cứu để phát triển ở trình độ đào tạo cao hơn.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chương trình được thiết kế đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

4.1. Kiến thức

*** Kiến thức chung:**

PLO1: Sinh viên phân tích và đánh giá được những kiến thức lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng HCM, đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, Pháp luật của Nhà nước; vận dụng được những nguyên lý, những quy luật, những luận điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng HCM cũng như chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong quá trình học tập, tu dưỡng, rèn luyện của bản thân đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

PLO2: Sinh viên đạt được năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam.

PLO3: Người học được cung cấp kiến thức cơ bản và kỹ năng về máy vi tính, hệ điều hành Microsoft Windows, mạng máy tính và Internet, các phần mềm tiện ích thông dụng (trình duyệt Web, thư điện tử), phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft WORD),

phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft EXCEL), phần mềm trình chiếu (Microsoft POWERPOINT).

PLO4: Trình bày được các đặc điểm tâm lý lứa tuổi, tâm lý học sư phạm, các kiến thức cơ bản về các hoạt động sư phạm trong nhà trường phổ thông; Thiết kế được kế hoạch và tổ chức thực hiện được kế hoạch hoạt động giáo dục; Vận dụng kiến thức tâm lý học, giáo dục học, quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục vào quá trình thực hiện nhiệm vụ nhà giáo, các hoạt động giáo dục trong các Nhà trường, các cơ sở GD-ĐT, phát triển năng lực nghề nghiệp và phong cách nhà giáo của mình.

PLO5: Trình bày được các kiến thức cơ bản về các nền văn minh trong lịch sử; những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; kiến thức cơ bản về chữ Hán, chữ Nôm; những vấn đề xã hội học đại cương; môi trường và con người, mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội. Vận dụng để luận giải các vấn đề lịch sử, văn hóa, xã hội và môi trường, giải quyết các vấn đề chuyên môn, liên môn trong giảng dạy ở trường Trung học phổ thông và Trung học cơ sở.

PLO6: Trình bày được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, bao gồm các suy luận logic, các phương pháp tính toán, các quy luật và hiện tượng vật lý, các định luật và tính chất hóa học, các quy luật phát triển của tự nhiên; Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên nói chung và các kiến thức chuyên ngành nói riêng vào giải quyết tốt các nội dung dạy học có liên quan, vận dụng các kiến thức liên môn trong dạy học, xây dựng và phát triển chương trình dạy học, đáp ứng được nhu cầu thường xuyên của xã hội đối với giáo dục và đào tạo, có khả năng lập luận tư duy và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong hoạt động chuyên môn.

*** Kiến thức chuyên môn:**

PLO7: Hiểu biết các kiến thức lý thuyết chuyên sâu về cấu trúc giải phẫu, đặc điểm tâm sinh lý, hình thái chức năng các hệ cơ quan trong cơ thể; các vấn đề về tâm lý trong tập luyện và thi đấu; lượng vận động, quãng nghỉ, cấu trúc buổi tập, bài tập.... đối với các học phần lý luận trong lĩnh vực Giáo dục thể chất.

PLO8: Hiểu biết có hệ thống các kiến thức về mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, cách đánh giá kết quả giảng dạy các môn thể thao; nguyên tắc, phương pháp giảng dạy Giáo dục thể chất; nguyên lý kỹ thuật các môn thể thao.

PLO9: Giải thích các kiến thức về luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài các môn thể thao.

4.2. Kỹ năng

*** Kỹ năng chung**

PLO10: Sử dụng thành thạo các phần mềm Microsoft Office Word, Excel, Powerpoints.

PLO11: Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ ở mức cơ bản đáp ứng được các yêu cầu của công việc.

PLO12: Có các kỹ năng mềm để tự phát triển bản thân như: kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

*** Kỹ năng chuyên môn:**

PLO13: Xây dựng kế hoạch, soạn giáo án, tổ chức thực hiện giảng dạy môn Giáo dục thể chất; tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả học tập các môn học lý thuyết và thực hành.

PLO14: Hoạt động huấn luyện và công tác phong trào TDTT; đạt chuẩn đẳng cấp 3 ít nhất 2 môn trong chương trình đào tạo.

4.3. Kỹ năng tự chủ và tự chịu trách nhiệm

PLO15: Có sáng kiến, năng lực dẫn dắt, hướng dẫn phong trào tập luyện các môn thể thao và giảng dạy một cách có hiệu quả; có năng lực tự lập kế hoạch tập luyện và thi đấu cũng như có khả năng đưa ra được dự đoán, kết luận về thành tích các môn thể thao khác nhau.

PLO16: Đảm đương tốt nhiệm vụ giảng dạy; vai trò huấn luyện các đội tuyển, tổ chức tốt các phong trào thể thao; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn.

5. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương.

6. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu CTĐT	Chuẩn đầu ra của CTĐT															
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO1 0	PLO1 1	PLO1 2	PLO1 3	PLO1 4	PLO1 5	PLO1 6
PO1	2															
PO2		2									4					
PO3			3							4						
PO4				3								2	1			
PO5					3											
PO6						3										
PO7				3			4					2	4	5	4	5
PO8								3				2	5	5	4	5
PO9									4							4

Ghi chú: Số cột tùy thuộc vào chuẩn đầu ra của mỗi nhóm; số dòng tùy thuộc vào mục tiêu, ghi mức độ đạt được tương ứng giữa mục tiêu với chuẩn đầu ra, trong đó:

- Đối với kiến thức: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo.
- Đối với kỹ năng: 1-Bắt chước; 2-Thao tác/Vận dụng; 3-Chính xác; 4-Liên kết/Thành thạo; 5-Tự nhiên hóa/Bản năng.
- Đối với năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: 1-Tiếp nhận; 2-Đáp ứng/Hồi đáp; 3-Hình thành giá trị/Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tập hợp giá trị/Tính cách.

7. Phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá

7.1. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra. Hàng năm, giảng viên cập nhật lại bài giảng, tìm hiểu và đưa vào những kiến thức và công nghệ mới trong ngành xây dựng.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), phương pháp động não, đặt vấn đề, hoạt động nhóm, mô phỏng, nghiên cứu tình huống (áp dụng cho các tiết thảo luận, bài tập), phương pháp mô phỏng, thực nghiệm (áp dụng cho các tiết thực hành).

- Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học: Thực hiện thông qua tự đánh giá của giảng viên, phản hồi của SV và của đồng nghiệp. Thông qua kết quả thu được của mỗi bài giảng, bài kiểm tra, giảng viên tự đánh giá được chất lượng bài giảng và không ngừng tìm hiểu nâng cao kiến thức, kinh nghiệm thực tế cũng như phương pháp truyền thụ để cải tiến chất lượng dạy học. Ở buổi học đầu, giảng viên cung cấp thông tin cá nhân và các kênh liên lạc để trao đổi học thuật và nhận phản hồi góp ý từ sinh viên. Cuối kỳ giảng viên, bộ môn hoặc khoa sẽ phát phiếu để sinh viên đánh giá, góp ý toàn bộ quá trình giảng dạy. Mỗi học kỳ bộ môn và Khoa tổ chức dự giờ để đánh giá và góp ý giờ giảng. Bên cạnh đó, thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn học thuật, người dạy có được thông tin đa chiều trong việc cần cải tiến phương pháp dạy và học, cũng như đánh giá người học.

7.2. Các phương thức đánh giá

- Đánh giá quá trình: Được tiến hành thường xuyên dựa theo tiến trình đã được nêu trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 20% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức đánh giá thông qua hỏi đáp nhanh, kiểm tra miệng, bài tập nhóm, bài kiểm tra 15 phút, câu hỏi trắc nghiệm.

- Đánh giá giữa kỳ: Được thực hiện trong khoảng tuần thứ 6 đến tuần 9 trong tiến trình đào tạo, đã được xác định trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 30% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Các hình thức đánh giá bao gồm: bài kiểm tra 1 tiết, vấn đáp, bài tập lớn hoặc đồ án môn học.

- Đánh giá cuối kỳ: Được thực hiện thông qua bài thi cuối kỳ do Phòng Quản lý đào tạo xếp lịch, trọng số 50% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức thi theo đề xuất của bộ môn và phải được Nhà trường phê duyệt, các hình thức bao gồm: viết, vấn đáp, đồ án môn học, trắc nghiệm, thực hành.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc chương trình dạy học

- Chương trình đào tạo ngành Đại học Giáo dục thể chất gồm 48 học phần (tương đương 126 tín chỉ), trong đó có 41 học phần bắt buộc (110 tín chỉ) và 7 học phần tự chọn (16 tín chỉ), được phân bổ trong 8 học kỳ (kỳ 1: gồm 07 học phần, 18 tín chỉ; kỳ 2: gồm 08 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 3: gồm 07 học phần, 18 tín chỉ; kỳ 4: gồm 07 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 5: gồm 06 học phần, 14 tín chỉ; kỳ 6: gồm 06 học phần, 14 tín chỉ; kỳ 7: gồm 05 học phần, 14 tín chỉ; kỳ 8: gồm 04 học phần thay thế/KLTN và thực tập TN, 14 tín chỉ);

2. Danh sách và mô tả các học phần

T T	Mã HP	Tên HP (số tín chỉ)	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
A. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG				
I. Kiến thức Giáo dục đại cương				
1	196055	Triết học Mác-Lênin (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> chương. Chương 1: Trình bày khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội. Chương 2: Trình bày quan điểm của triết học Mác – Lênin về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; lý luận nhận thức. Chương 3: Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và triết học về con người.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học nắm vững lý luận triết học Mác – Lênin, trên cơ sở đó xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng lý luận đó để</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i>, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p>2. Bộ Giáo dục & ĐT, <i>Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb CTQG, 2015.</p> <p>Học liệu tham khảo</p> <p>1. Nguyễn Ngọc Long, Nguyễn Hữu Vui <i>Giáo trình triết học Mác-LêNin</i> (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng) H: CTQG; 2005</p> <p>2. Nguyễn Hữu Vui, <i>Lịch sử triết học</i>, NXB CTQG, 1997</p>

			nhận thức và cải tạo thể giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.	
2	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Nội dung học phần bao gồm 6 chương: Trong đó chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác – Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học biết vận dụng kiến thức của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo; Vận dụng các vấn đề lý luận đã học để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i>, (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021) NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p>2. Bộ Giáo dục & ĐT, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i>, NXB CTQG, 2004.</p> <p>Học liệu tham khảo:</p> <p>1. Văn kiện đảng toàn tập tập tập: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12 (2002,2002,,1999,1999,2002,2000,2000,2000,2001,2001, 2001, 2001) NXB CTQG.</p>
3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học	- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần có 7 chương, cung cấp cho sinh viên những	<p>Học liệu bắt buộc :</p> <p>1. Bộ GD & ĐT, <i>Giáo trình</i></p>

		(2 tín chỉ)	<p>tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học: xác định đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và các vấn đề xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức về chủ nghĩa xã hội vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. Sinh viên lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</p>	<p><i>Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị) (2021), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p>Học liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb CTQG, 2015. 2. Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học: Dành trong các trường ĐH, CĐ/ Bộ giáo dục đào tạo H: CTQG, 2008
4	198030	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920- 1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945- 1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ GD&ĐT (2021), <i>Lịch sử Đảng CSVN</i>, Nxb CTQGST. 2. Bộ GD&ĐT (2006), <i>Lịch sử Đảng CSVN</i>, Nxb CTQG. <p>Tài liệu tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ GD&ĐT (2007), <i>Một số chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tập I,II,III</i>, Nxb CTQG. 3. Văn kiện Đảng toàn tập tập tập: I,II,III,IV,V,VI,VII,VIII,IX,X, XI,XII,XIII (2002, 2002, 1999,1999,2002,2000,2000,2000,2001,2001, 2001, 2001) NXB

			<p>viên có phương pháp tư duy khoa học về lịch sử; có nhận thức, niềm tin đối với sự lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam, phát huy được truyền thống tốt đẹp của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</p>	CTQG.
5	197035	Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phân:</i> Khái niệm Tư tưởng HCM, bản chất, đặc điểm, đối tượng và ý nghĩa của việc nghiên cứu TTHCM; quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Các nội dung chủ yếu của tư tưởng HCM về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản VN; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân; về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học nắm vững khái niệm, đặc điểm và ý nghĩa của việc nghiên cứu TTHCM, các quá trình hình thành phát triển TTHCM; phân tích được các nội dung chủ yếu của TTHCM, vận dụng được các vấn đề về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do</p>	<p>TL bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> Bộ Giáo dục & Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>. Nxb Chính trị quốc gia sự thật <p>TL tham khảo:</p> <ol style="list-style-type: none"> Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dự thảo)</i> Hồ Chí Minh (2016), <i>Biên niên tiểu sử (10 tập)</i>. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội Hồ Chí Minh (2011), <i>Toàn tập</i>. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội Võ Nguyên Giáp (2008), <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam</i>. Nxb Chính trị quốc gia.

			dân và vì dân; về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.	
6	197030	Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỷ luật học đường, kỷ cương xã hội.</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>1. Lê Văn Minh (chủ biên), (2016), <i>Pháp luật đại cương</i>, Nxb LĐ (Quyển 1).</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Lê Minh Toàn (chủ biên), (2012), <i>Giáo trình pháp luật đại cương</i>, Nxb Chính trị Quốc gia (Quyển 1).</p> <p>2. Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoàn, (2015), <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i>, Nxb Công an nhân dân (Quyển 2).</p>
II. Toán – Tin – KHTN – Công nghệ – Môi trường				
7	114020	Xác suất thống kê (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> sự kiện ngẫu nhiên, sự kiện sơ cấp, không gian sự kiện sơ cấp, khái niệm xác suất, các tính chất của xác suất, biến ngẫu nhiên, hàm phân phối của biến ngẫu nhiên, các tính chất của hàm phân phối, các số đặc trưng; một số vấn đề thống kê toán học, mẫu ngẫu nhiên, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết thống kê, (kiểm định về trung bình, kiểm</p>	<p>Giáo trình chính:</p> <p>1. Đào Hữu Hồ (2006), <i>Xác suất và Thống kê</i>, Đại học Quốc gia HN.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Phạm Văn Kiều, Lê Thiên Hương (2001), <i>Xác suất thống kê</i>, NXB GD.</p> <p>2. Tổng Đình Quý (2000), <i>Hướng dẫn giải bài tập xác</i></p>

			<p>định về xác suất, ...)</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> có kiến thức cơ bản về xác suất, có khả năng xử lý số liệu thống kê để có những kết luận đúng đắn và từ đó đưa ra các quyết định với độ tin cậy cao; có khả năng vận dụng phần thống kê vào công tác kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu giáo dục.</p>	<p><i>suất thống kê</i>, NXB Giáo dục.</p>
8	173080	Tin học (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Tổng quan về tin học, máy tính, hệ điều hành Windows, mạng máy tính, Internet, các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính và trình chiếu.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> sinh viên sử dụng máy tính đúng cách, tổ chức dữ liệu trên máy tính một cách khoa học, có hệ thống; khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1. Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang (2010), <i>Giáo trình tin học cơ sở</i>, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Microsoft (2012), <i>Step by Step Microsoft Office 2007</i>, Microsoft Press</p> <p>2. Hàn Việt Thuận (2012), <i>Tin học đại cương</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội.</p>
9	125105	Môi trường và con người (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Khái niệm, phân loại môi trường; các vấn đề về tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi</p>	<p>Giáo trình chính</p> <p>1. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). <i>Giáo trình Môi trường và con người</i>. Nxb GD</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), <i>Giáo trình môi trường và con người</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.</p>

			<p>trường; thực trạng, nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm môi trường không khí, đất, nước,... trên thế giới cũng như ở Việt Nam; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; các vấn đề về an toàn lao động trong sản xuất và cuộc sống.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>Sinh viên biết phát hiện và giải quyết tốt các tình huống sinh thái, môi trường trong cuộc sống; tính toán, phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá một cách định tính và định lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và BVMT; xây dựng được kế hoạch và thực hiện tốt các kỹ năng về vệ sinh và an toàn lao động.</p>	<p>2. Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH 13</p> <p>3. Mai Đình Yên (chủ biên) (1997): <i>Môi trường và con người</i>, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.</p>
10	121005	<p>Cơ sở văn hóa Việt Nam (2 tín chỉ)</p>	<p>- <i>Nội dung học phân:</i> Những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học trình bày được những thành tố cơ bản của văn hóa; nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1. Trần Ngọc Thêm (1999), <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Trần Quốc Vượng (2002), <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam</i>, NXB GD.</p> <p>2. Đào Duy Anh (2000), <i>Việt Nam văn hoá sử cương</i>, NXBVH TT HN.</p>

			văn hóa dân tộc; vận dụng vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng văn hóa trong đời sống hiện nay.	
III. Ngoại ngữ				
11	133031	Tiếng Anh 1 (4 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh: Nghe, Nói, Đọc</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Người học có thể tự học và nghiên cứu để nâng cao trình độ của mình, phục vụ cho công việc sau này. Chẳng hạn, người học có thể học thuộc bài đối thoại ngắn theo từng cặp hoặc viết một đoạn văn tả về bức tranh nào đó trong phần nghe rồi học thuộc lòng...</p>	<p>Học liệu bắt buộc (HLBB)</p> <p>1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson (2012), <i>English File-Elementary 3rd edition</i>. Oxford University Press.</p> <p>2. Nguyễn Thị Quyết (2018), <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A</i>. Nhà xuất bản Thanh Hoá.</p> <p>Học liệu tham khảo (HLTK)</p> <p>1. Raymond Murphy (2013), <i>Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành</i>. NXB Thời đại</p> <p>2. Cambridge ESOL (2011), <i>Cambridge Preliminary English Test 2</i>. Cambridge University Press</p>
12	133032	Tiếng Anh 2 (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần</i>: Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, lĩnh vực quan tâm, công việc, du lịch, sự kiện đang diễn ra; Bên cạnh đó, sinh viên cũng được học cách cấu tạo và sử dụng các loại từ vựng như tính từ, trạng từ, đại từ, động từ tình thái, cụm động từ, cách kết hợp từ, quy tắc cấu tạo từ;</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson (2011), <i>English File Pre-Intermediate 3rd edition</i>. Nhà xuất bản Văn hóa thông tin.</p> <p>2. Nguyễn Thị Quyết (2018), <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ B</i>. Nhà xuất bản</p>

			- <i>Năng lực đạt được:</i> Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp.	Thanh Hoá. Tài liệu tham khảo: 1. Cambridge ESOL (2013), <i>Cambridge Preliminary English Test 3</i> . Cambridge University Press 2. Cambridge ESOL (2014), <i>Cambridge Preliminary English Test 4</i> . Cambridge University Press.
13	133033	Tiếng Anh 3 (3 tín chỉ)	- <i>Nội dung học phần:</i> Các kiến thức ngữ pháp, từ vựng và các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh: Nghe, Nói, Đọc. - <i>Năng lực đạt được:</i> Người học có khả năng sử dụng ngôn ngữ trong các tình huống của cuộc sống hàng ngày cũng như trong công việc. Với kiến thức đã học, người học có thể tự học và nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn của mình, phục vụ cho công việc sau này.	Học liệu bắt buộc (HLBB) 1. Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson (2011), <i>English File-Pre-intermediate 3rd edition</i> . Oxford University Press. 2. Sue Ireland, Joanna Kosta. <i>Target PET</i> . Richmond Publishing. Học liệu tham khảo (HLTK) 1. Cambridge ESOL (2011), <i>Cambridge Preliminary English Test 5</i> , Cambridge University Press 2. Cambridge ESOL (2015), <i>Cambridge Preliminary English Test 6</i> , Cambridge University Press.
IV	Giáo dục quốc phòng (tiết)			
B	Kiến thức GDCN			
I. Kiến thức cơ sở				
14	181030	Tâm lý học (4 tín chỉ)	- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần này bao gồm: Bản	Giáo trình chính:

			<p>chất, chức năng của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức (nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính); Nhân cách và sự phát triển nhân cách; Lý luận về sự phát triển trẻ em; Tâm lý học lứa tuổi học sinh THCS và THPT; Hoạt động dạy học; Hành vi đạo đức; Nhân cách người thầy giáo...</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i>: Sinh viên nhận diện được các đặc điểm tâm lý con người nói chung và đặc điểm tâm lý học sinh THCS và THPT nói riêng; giải quyết được các tình huống nảy sinh trong hoạt động sư phạm, hình thành các phẩm chất và năng lực của người giáo viên trong tương lai.</p>	<p>1. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên) (2002), <i>Giáo trình Tâm lý học đại cương</i>, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.</p> <p>2. Lê Văn Hồng (2001), <i>Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm</i>, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo</i>:</p> <p>3. Dương Thị Thoan (Chủ biên), Phạm Thị Thu Hòa, Nguyễn Thị Hương, Nhận thức nghề nghiệp của sinh viên sư phạm Trường đại học Hồng Đức, Nxb ĐH Lao động – xã hội, 2021</p> <p>4. Hoàng Anh – Nguyễn Kim Thanh (1997), <i>Giao tiếp sư phạm</i>, Nxb Giáo dục.</p>
15	182005	Giáo dục học (4 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phân</i>: Hệ thống những lý luận cơ bản về giáo dục học đại cương, như: đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu giáo dục học; các khái niệm của giáo dục học; vai trò của di truyền, môi trường, giáo dục và hoạt động cá nhân đối với sự hình thành, phát triển nhân cách; mục tiêu giáo dục Việt Nam và những nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường; người giáo viên; những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học, như: Khái niệm, Bản chất quá trình dạy học, nguyên tắc dạy học, nội dung dạy học, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học... ; những vấn đề cơ bản của lý luận giáo dục, như:</p>	<p>Giáo trình chính</p> <p>[1]. Trần Thị Tuyết Oanh (2006) (chủ biên), <i>Giáo trình Giáo dục học. Tập 1,2</i>, NXBDHSP Hà Nội</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>[1]. Nguyễn Sinh Huy- Nguyễn Văn Lê (1997), <i>Giáo dục học đại cương Tập 1,2</i>, NXBGD</p> <p>[2]. Phạm Viêt Vượng (2001), <i>Giáo dục học</i>,</p>

			<p>Khái niệm và bản chất QTGD, nguyên tắc và nội dung giáo dục, phương pháp và sự kết hợp các lực lượng giáo dục... đặc điểm lao động của người GVPT, các nội dung, nhiệm vụ của người GVCN.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sau khi học xong học phần người học có khả năng Xác định các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình hình thành nhân cách học sinh; Vận dụng nguyên tắc dạy học, nguyên tắc giáo dục; biết cách lựa chọn nội dung dạy học, nội dung giáo dục; lựa chọn sử dụng phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, giáo dục vào thực tiễn môn học trong bậc học mình được đào tạo; có khả năng thực hiện chức năng, nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm lớp và giải quyết các tình huống thực tiễn giáo dục.</p>	<p>NXBĐHQG Hà Nội</p> <p>[3]. Đỗ Thế Hưng (2007), <i>Tình huống dạy học môn GDH</i>, NXB ĐHSPT Hà Nội</p>
16	198000	<p>Quản lý HCNN&QL GD (2 tín chỉ)</p>	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và quản lý giáo dục và đào tạo cụ thể là: Bản chất, nguyên tắc tổ chức nước CHXH CN Việt Nam, lý luận về QLHCNN và QLGD và ĐT, luật công chức, viên chức; Đường lối quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Luật</p>	<p>Giáo trình chính</p> <p>[1]. Phạm Viết Vượng. (2006), <i>Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục & đào tạo</i>, NXB Đại học sư phạm.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p>

			<p>giáo dục; Điều lệ trường mầm non, tiểu học, THCS & THPT của bộ Giáo dục & Đào tạo.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sau khi học xong học phần người học có khả năng, vận dụng những hiểu biết về quản lý hành chính nhà nước và QLGD vào thực tiễn nghề nghiệp, khả năng vận dụng các quy định luật pháp (luật công chức, viên chức, luật GD; điều lệ GD các cấp học) vào điều kiện thực tiễn nghề nghiệp và giải quyết các tình huống thực tiễn có liên quan.</p>	<p>[1] Quốc Hội (2008), Luật số 22/2008/QH12 ngày 13/ 11/ 2008. <i>Luật Cán bộ, công chức</i></p> <p>[2]. Quốc Hội (2008), Luật số 58/2008/QH12 ngày 15/ 11/ 2010, <i>Luật viên chức.</i></p> <p>[3] Quốc Hội (2019), Luật số 52/2019/QH14 của Quốc Hội, <i>luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật cán bộ, công chức và luật viên chức.</i></p>
17	193005	Giải phẫu TDTT (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần “Giải phẫu TDTT” bao gồm những kiến thức cơ bản về cấu tạo và chức năng của các cơ quan, các hệ cơ quan trong cơ thể người. Từ đó thấy được mối liên hệ giữa cấu trúc và chức năng của chúng. Đồng thời cũng thấy được mối liên hệ giữa cơ thể và môi trường.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có kỹ năng ứng dụng kiến thức môn học để kiểm soát được những điều kiện bất lợi của cấu trúc giải phẫu cơ thể trong quá trình luyện tập và thi đấu thể dục thể thao. SV có năng lực lựa chọn môn thể thao phù hợp với điều kiện luyện tập và giải phẫu của cơ thể. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với hoạt động giáo dục trong nhà trường các cấp.</p>	<p>Giáo trình chính</p> <p>1. Nguyễn Văn Huy, Lê Hữu Hưng (2007), <i>Bài giảng Giải phẫu học</i>, Nxb Y học.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Tạ Thúy Lan, Trần Thị Loan (2004), <i>Giải phẫu – Sinh lý người</i>, Nxb ĐHSP Hà Nội.</p> <p>2. Nguyễn Quang Mai, Trần Thúy Nga, Quách Thị Tài (2001), <i>Giải phẫu sinh lý người (tập 1)</i>, Nxb Giáo dục.</p>

18	281046	<p>Tâm lý học TDTT (2 tín chỉ)</p>	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về vấn đề chung của tâm lý học thể dục thể thao như: đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của tâm lý học TDTT; đặc điểm hoạt động giáo dục thể chất và cơ sở tâm lý của quá trình giảng dạy kỹ năng vận động và giáo dục thể chất; một số biện pháp tác động sư phạm nhằm nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên trong giờ học giáo dục thể chất; đặc điểm tâm lý của hoạt động thể thao và cơ sở tâm lý học của công tác huấn luyện, đào tạo vận động viên.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Biết xây dựng kế hoạch tập luyện phù hợp với điều kiện môi trường, lứa tuổi, giới tính, chịu trách nhiệm về kế hoạch tập luyện, bảo hiểm tập luyện và thành tích thể thao. Xây dựng và điều chỉnh kế hoạch tập luyện phù hợp với thực tế, từ đó phát huy yếu tố tích cực của người tập trong các điều kiện tập luyện khác nhau.</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1. PGS.TS Phạm Ngọc Viễn (2007), <i>Giáo trình Tâm lý học TDTT</i>, NXB TDTT, Hà Nội.</p> <p>Học liệu tham khảo:</p> <p>1. PGS.TS Lê Văn Xem (2003), <i>Tâm lý học thể dục thể thao</i>, NXB ĐH Sư phạm.</p> <p>2. PTS. Phạm Đình Bẩm, Đào Bá Trì (1999), <i>Tâm lý học trong thể thao</i>, NXB TDTT, Hà Nội.</p>
19	192057	<p>Sinh lý TDTT (2 tín chỉ)</p>	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Khái niệm, phạm trù của sinh lý học TDTT làm cơ sở cho việc tìm hiểu sự vận động và biến đổi các chức năng trong cơ thể. giúp cho người học hiểu rõ sự biến đổi chức năng các cơ quan trong cơ thể ở các điều kiện học tập và tập luyện khác nhau; sự thích nghi của cơ thể đối với các hoạt động</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1. PGS.TS Lưu Quang Hiệp. BS. Phạm Thị Uyên, (2003). <i>Sinh lý học thể dục thể thao</i>, NXB TDTT.</p> <p>Học liệu tham khảo:</p> <p>1. Vũ Thị Thanh Bình, Đồng Khắc Hưng, Phạm Thị Thiệu,</p>

			<p>TDTT; nhưng biến đổi sinh lý không mong muốn nếu không tập luyện đúng nguyên tắc và chương trình tập luyện. Thông qua đó, người học cũng thấy rõ lợi ích của TDTT đối với việc tăng cường sức khỏe cho người tập nói chung.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có năng lực nhìn nhận sinh lý học trong sự vận động và các mối quan hệ trong tập luyện. Biết xây dựng kế hoạch tập luyện phù hợp với điều kiện môi trường, lứa tuổi, giới tính, chịu trách nhiệm về kế hoạch tập luyện, bảo hiểm tập luyện và thành tích thể thao. Xây dựng và điều chỉnh kế hoạch tập luyện phù hợp với thực tế, từ đó phát huy yếu tố tích cực của người tập trong các điều kiện tập luyện khác nhau.</p>	<p>2005. Sinh lý học thể dục thể thao. NXB Đại học Sư phạm. (Quyển 1)</p> <p>2. Nguyễn Quang Mai (chủ biên), Mai Văn Hưng, Trần Thị Loan, 2002. Sinh lý người và động vật. NXB Khoa học Kỹ thuật. (Quyển 2)</p>
20	292031	PP NCKH TDTT (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Kiến thức cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu; Các khái niệm khoa học; Kỹ năng nghiên cứu khoa học; Tiến trình nghiên cứu khoa học: Giai đoạn chuẩn bị, triển khai nghiên cứu, viết luận văn, bảo vệ luận văn...; Hệ thống các phương pháp NCKH trong TDTT: Các phương pháp nghiên cứu sư phạm, kiểm tra y học, phương pháp nghiên cứu tâm lý trong TDTT, phương pháp toán học xử lý kết quả nghiên cứu; Đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học TDTT; Hình thành ở sinh viên tư duy logic, năng lực tự chủ trong việc xem</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1. Nguyễn Xuân Sinh (2012), <i>Giáo trình lý luận và phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao</i>, Nxb TDTT Hà Nội.</p> <p>Học liệu tham khảo :</p> <p>1. Nguyễn Xuân Sinh (2007), <i>Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao</i>, Nxb TDTT Hà Nội.</p> <p>2. Vũ Đức Thu, Vũ Thị Thanh Bình (2007), <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học TDTT</i>, Nxb Giáo dục.</p>

			<p>xét, nghiên cứu các vấn đề qua thực tiễn hoạt động TDTT, công tác dạy học, giáo dục ở nhà trường.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu rõ kiến thức cơ bản về phương pháp luận nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu từ đó ứng dụng vào thực tế nghiên cứu các vấn đề trong thực tiễn hoạt động thể dục thể thao, công tác dạy học, giáo dục trong nhà trường.</p>	
21	191060	LL&PP TDTT (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần Lý luận & phương pháp TDTT bao gồm những kiến thức cơ bản về: Nhập môn về lý luận và phương pháp TDTT; mục đích, nhiệm vụ, các nguyên tắc và quan điểm chung trong phát triển TDTT Việt Nam; các phương tiện, phương pháp, các nguyên tắc GDTC; dạy học động tác trong giáo dục thể chất; giáo dục các tố chất thể lực; hình thức buổi tập TDTT; huấn luyện thể thao.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có được những quan điểm và niềm tin cơ bản về nghề nghiệp, đồng thời phát huy khả năng tư duy logic, năng lực tự chủ làm cơ sở để tiếp tục học tập, nghiên cứu và vận dụng trong các phần chuyên ngành hẹp, từng bước bồi dưỡng năng lực vận dụng để phân tích, thực hiện những nhiệm vụ cụ thể có liên quan trong thực tiễn TDTT. Bên cạnh đó người</p>	<p><i>Học liệu bắt buộc:</i></p> <p>1. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tồn (2017), LL & PP TDTT, Nxb TDTT Hà Nội</p> <p><i>Học liệu tham khảo :</i></p> <p>1. Nguyễn Viết Minh, (2007), <i>Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực hóa hoạt động người học các môn: Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất, thể dục, điền kinh, Bơi lội, Đá cầu</i> Nxb ĐH Sư phạm, Hà Nội.</p> <p>2. Đồng Văn Triệu (2008). <i>Phương pháp giảng dạy và hướng dẫn học tập môn lý luận và phương pháp Thể dục thể thao.</i> Nxb TDTT Hà Nội.</p>

			học vận dụng thành thạo các kiến thức đã học vào quá trình giảng dạy, huấn luyện TĐTT.	
	(Chọn 1 trong 2 học phần)			
22	193001	LL&PPGD TC trong trường học (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần Lý luận & phương pháp GDTC trong trường học bao gồm: Những khái quát chung về giáo dục thể chất; Nhiệm vụ, phương pháp, phương tiện giáo dục thể chất; mục đích, nhiệm vụ và cụ thể hóa nguyên tắc trong GDTC đối với học sinh phổ thông; đặc điểm phương pháp giảng dạy động tác và giáo dục các tố chất thể lực, kế hoạch giảng dạy, phương pháp tổ chức đánh giá cho học sinh phổ thông; mục đích, nhiệm vụ, hệ thống quản lý, điều hành, các hình thức của giáo dục thể chất sinh viên đại học và trung học chuyên nghiệp</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sau khi học xong học phần này sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về Lý luận & phương pháp GDTC trong trường học. Qua đó người học biết vận dụng thành thạo các kiến thức đã học vào quá trình tổ chức giảng dạy giáo dục thể chất cho học sinh ở các cấp học</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1. Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ. (2006), <i>LL & PP GDTC trong trường học</i>, NXB TĐTT Hà Nội</p> <p>Học liệu tham khảo :</p> <p>1. Phạm Văn Đàn, Hoàng Sỹ Trung, Nguyễn Hữu Thắng, Nguyễn Công Thành, Trịnh Việt Dũng, Cao Ngọc Thành. (2021), <i>LL & PP TĐTT trường học</i>, NXB Đại học Thái Nguyên.</p> <p>2. Nguyễn Viết Minh (Chủ biên), Đậu Bình Hương (2007), <i>Phương pháp dạy học thể dục và trò chơi vận động cho học sinh Tiểu học</i>, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.</p>
	292026	LL&PP GDTC (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần này cung cấp hệ thống những kiến thức</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1. Vũ Đức Thu, Nguyễn Trương Tuấn (1998). <i>Lý luận</i></p>

			<p>chung về thể dục thể thao: Mục đích, nhiệm vụ, hình thức của giáo dục thể chất, nội dung học tập, phân loại sức khỏe, trách nhiệm của sinh viên, công tác thi, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục thể chất trong các trường đại học, phong trào thể dục thể thao quần chúng và nâng cao thành tích thể thao trong sinh viên, cơ sở khoa học sinh học của giáo dục thể chất. Vệ sinh tập luyện, huấn luyện thể dục thể thao. Kiểm tra và tự kiểm tra y học trong giáo dục thể chất. Thể dục thực dụng và nghề nghiệp, thể dục thể thao trong hệ thống tổ chức lao động khoa học, nghiên cứu khoa học thể dục thể thao trong trường đại học chuyên nghiệp.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sau khi học xong học phần này sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về Lý luận & phương pháp GDTC. Qua đó người học biết vận dụng thành thạo các kiến thức đã học vào quá trình tổ chức giảng dạy giáo dục thể chất cho học sinh ở các cấp học.</p>	<p>và <i>phương pháp GDTC</i>, NXB TĐTT</p> <p><i>Học liệu tham khảo :</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. PGS.TS.Lưu Quang Hiệp, ThS.Lê Đức Chương, BS.Vũ Chung Thủy, Lê Hữu Hưng (2000). <i>Y học TĐTT</i>, NXB TĐTT, HN. 2. Nguyễn Xuân Sinh (2012), <i>Giáo trình lý luận và phương pháp nghiên cứu khoa học thể dục thể thao</i>, Nxb TĐTT Hà Nội.
23	(Chọn 1 trong 2 học phần)			

	191099	PP thống kê trong TĐTT (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> - Thống kê và vai trò của nó trong Thể dục Thể thao, thống kê mô tả, thống kê phân tích.</p> <p>- Cách sắp xếp và trình bày số liệu trong nghiên cứu khoa học TĐTT, tổ chức quản lý, giảng dạy, huấn luyện, thi đấu... một cách rõ ràng, ngắn gọn và có hệ thống.</p> <p>- Các đặc trưng về định vị, độ tản mạn, tính không cân đối của phân bố thực nghiệm và những tham số có ý nghĩa thực tiễn.</p> <p>- Ước lượng số trung bình cho tổng thể từ tập hợp mẫu, ảnh hưởng của mẫu.</p> <p>- Phương pháp so sánh hai số trung bình quan sát, phương pháp so sánh một số trung bình quan sát với một số trung bình lý thuyết, phương pháp số liệu từng cặp.</p> <p>- Nghiên cứu các mối phụ thuộc xác suất giữa các đại lượng ngẫu nhiên, mối liên quan giữa các dấu hiệu với nhau.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Trang bị cho sinh viên các phương</p>	<p><i>Học liệu bắt buộc:</i></p> <p>1. Nguyễn Đức Văn (2008), <i>Phương pháp thống kê trong thể dục thể thao</i>, NXB, TĐTT.</p> <p><i>Học liệu tham khảo :</i></p> <p>1. Nguyễn Quang Báu (2000), <i>Lý thuyết xác suất và thống kê Toán học</i>, NXB, ĐHQG.</p> <p>2. Nguyễn Đức Văn (2000), <i>Phương pháp thống kê trong thể dục thể thao</i>, NXB, TĐTT.</p>
--	--------	------------------------------------	--	---

			pháp thu thập và xử lý số liệu trong hoạt động TĐTT, nhằm phục vụ đặc lực cho công tác nghiên cứu khoa học.	
	193008	Đo lường TĐTT (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về xử lý số liệu của phép đo, khái niệm về test; Cơ sở lý thuyết của test và lý thuyết đánh giá vận động viên, các cách đánh giá, thang độ và đơn vị sử dụng trong đo lường, tổ chức thực hiện các phép đo; áp dụng khi đo thực tế các chỉ tiêu đánh giá thể chất của vận động viên cũng như của nhân dân nói chung; Kiến thức về đo lường, đánh giá thành tích thể thao trong tuyển chọn, huấn luyện và thi đấu; Xác định tiêu chuẩn và tuyển chọn vận động viên.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu và ứng dụng các kiến thức cơ bản của đo lường TĐTT để làm đề tài nghiên cứu khoa học và có thể sử dụng các test, kiểm tra thể lực của học sinh, sinh viên.</p>	<p><i>Học liệu bắt buộc:</i></p> <p>1. Dương Nghiệp Chí, Trần Đức Dũng, Tạ Hữu Hiếu, Nguyễn Đức Văn (2004), <i>Đo lường thể thao</i>, NXB TĐTT.</p> <p><i>Học liệu tham khảo :</i></p> <p>1. Nguyễn Đức Văn(2008), <i>Phương pháp thống kê trong thể dục thể thao</i>, NXB TĐTT.</p> <p>2. Nguyễn Thanh Tùng (2016), <i>Bài tập Đo lường Thể thao</i>, NXB TT&TT.</p>
24	(Chọn 1 trong 2 học phần)			

117093	Sinh hóa TDTT (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Kiến thức cơ bản về các hoạt động chức năng của cơ thể, quá trình chuyển hóa các chất trong cơ thể sống khi tập luyện và thi đấu thể thao.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản của Sinh hóa TDTT vào quá trình công tác đào tạo huấn luyện viên, hướng dẫn viên thể thao và giáo viên giảng dạy giáo dục thể chất.</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>1. Vũ Thị Thanh Bình (Chủ biên), Quách Văn Tĩnh, Lê Gia Vinh (2007). <i>Hoá sinh học</i>. NXB Đại học sư phạm.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Phạm Thị Trân Châu, Trần Thị Áng (2003). <i>Hoá sinh học</i>. NXBGD.</p> <p>2. Nguyễn Thị Hiền, Vũ Thị Thu (2004). <i>Hoá sinh học</i>. NXBDH Sư phạm.</p>
292036	Sinh cơ học TDTT (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức có giá trị nền tảng lâu dài về cơ chế của kỹ thuật, chiến thuật thể thao. Mô tả chuyển động thể thao, giải thích các lực tác dụng, khảo sát các thông số sinh cơ về điều kiện cũng như về vấn đề phối hợp chuyển động, phân tích hoàn thiện kỹ năng ở các môn thể thao khác nhau, các phương tiện sinh cơ hỗ trợ cho việc học, thực hành và tập luyện, những yêu cầu đối với bộ máy vận động, các thủ tục đo lường, các nguyên lý và định luật sinh cơ thể thao.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản của Sinh cơ học TDTT vào quá trình công tác đào tạo huấn luyện viên, hướng dẫn viên thể thao và giáo viên giảng dạy giáo dục thể chất.</p>	<p><i>Giáo trình chính:</i></p> <p>1. Nguyễn Thanh Mai (1992). <i>Giáo trình sinh cơ thể thao</i>. NXB Trường Đại học TDTT Từ Sơn.</p> <p><i>Tài liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Trịnh Hùng Thanh và cộng sự (1988). <i>Sinh cơ và huấn luyện thể thao</i>. NXBTDTT Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>2. Nguyễn Văn Lực (2006). <i>Sinh cơ thể dục thể thao</i>. NXBTDTT Hà Nội.</p>
II	Kiến thức ngành		

25	191062	Chạy ngắn, tiếp sức và trung bình, (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Sự hình thành và phát triển, ý nghĩa tác dụng; nguyên lý kỹ thuật; luật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài; phương pháp giảng dạy môn chạy trung bình, chạy ngắn và chạy tiếp sức.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên thực hiện được kỹ thuật các giai đoạn môn chạy trung bình, chạy ngắn và chạy tiếp sức; lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng quy định và biết cách tổ chức lên lớp giảng dạy môn chạy trung bình, chạy ngắn và chạy tiếp sức; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển học sinh tham gia thi đấu môn chạy trung bình, chạy ngắn và chạy tiếp sức; có năng lực tổ chức cũng như thực hiện tốt vai trò trọng tài môn chạy.</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1. Nguyễn Đại Dương (2006), <i>Điền kinh</i>, Nxb TDTT.</p> <p>Học liệu tham khảo :</p> <p>1. Ủy ban TDTT (2013), <i>Luật Điền kinh</i>, NXB TDTT.</p> <p>2. Nguyễn Kim Minh, Nguyễn Trọng Hải, Trần Đồng Lâm, Đặng Ngọc Quang (2004), <i>Giáo trình Điền kinh</i>, Nxb, ĐHSP.</p>
26	193011	Thể dục (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Thể dục trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, lịch sử thể dục, thuật ngữ thể dục, đội ngũ và đội hình, các bài tập thể dục tay không, bài tập mẫu... Đặc điểm các nguyên tắc và phương pháp giảng dạy</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1. Nguyễn Xuân Sinh, (2009), <i>Thể dục</i>, NXB TDTT</p> <p>Học liệu tham khảo :</p> <p>1. Trương Anh Tuấn (2004), <i>Giáo trình thể dục</i> NXB</p>

			<p>động tác thể dục, Thể dục cho các đối tượng tập luyện.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng quy định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn đại cương thể dục và thể dục cơ bản; xây dựng kế hoạch và tổ chức bài tập thể dục phát triển chung....</p> <p>Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn được giáo án giảng dạy, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn thể dục; xây dựng kế hoạch và tổ chức dạy các bài tập thể dục phát triển chung....</p>	<p>ĐH Sư phạm</p> <p>2. Đặng Quốc Nam (2014), <i>Thể dục tập I, II</i> NXB TĐTT</p>
	(Chọn 1 trong 2 học phần)			
27	191048	Nhảy xa (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Sự hình thành và phát triển, ý nghĩa tác dụng; nguyên lý kỹ thuật môn nhảy xa; kỹ thuật nhảy xa kiểu ngòi và kiểu uốn thân; luật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài; phương pháp giảng dạy môn nhảy xa.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng quy định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn nhảy</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1. Nguyễn Đại Dương (2006), <i>Giáo trình Điền kinh</i>, Nxb TĐTT.</p> <p>Học liệu tham khảo :</p> <p>1. Ủy ban TĐTT (2015), <i>Luật Điền kinh</i>, Nxb TĐTT.</p> <p>2. Nguyễn Kim Minh, Nguyễn Trọng Hải, Trần Đồng Lâm, Đặng Ngọc Quang (2004), <i>Giáo trình Điền kinh</i>, Nxb ĐH Sư phạm.</p>

			xa; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển học sinh tham gia thi đấu môn nhảy xa; Có năng lực tổ chức cũng thực hiện tốt vai trò trọng tài môn nhảy xa	
	191063	Nhảy ba bước (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Sự hình thành và phát triển, ý nghĩa tác dụng; nguyên lý kỹ thuật môn nhảy xa ba bước;; luật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài; phương pháp giảng dạy môn nhảy xa ba bước</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng quy định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn nhảy xa ba bước; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển học sinh tham gia thi đấu môn nhảy xa ba bước; Có năng lực tổ chức cũng thực hiện tốt vai trò trọng tài môn nhảy xa ba bước</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1. Nguyễn Đại Dương (2006), <i>Giáo trình Điền kinh</i>, Nxb TDTT.</p> <p>Học liệu tham khảo :</p> <p>1. Ủy ban TDTT (2015), <i>Luật Điền kinh</i>, Nxb TDTT.</p> <p>2. Nguyễn Đại Dương (2000), <i>Giáo trình Điền kinh</i>, Nxb, TDTT.</p>
28	191066	Thể dục tự do (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Ý nghĩa tác dụng của việc học tập môn học, nguyên lý kỹ thuật, kỹ thuật động tác môn thể dục tự do, phương pháp giảng dạy.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1. Nguyễn Xuân Sinh (1999), <i>Thế dục dụng cụ</i>, NXB TDTT, Hà Nội.</p> <p>Học liệu tham khảo :</p> <p>1. Nguyễn Xuân Sinh,</p>

			<p>viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng quy định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn thể dục tự do; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện môn thể dục tự do; Có năng lực tổ chức cũng thực hiện tốt vai trò trọng tài môn thể dục tự do.</p>	<p>(2009), <i>Thế dục</i>, NXB TDTT</p> <p>2. Đặng Quốc Nam (2014), <i>Thế dục tập I, II</i> NXB TDTT</p>
29	192048	Cờ vua (2 tín chỉ)	<p>- <i>Mô tả nội dung học phần:</i> Những tri thức cơ bản về môn Cờ vua; Lý luận và phương pháp giảng dạy các giai đoạn của ván đấu; Phương pháp tính toán; Các phương tiện hỗ trợ trong Cờ vua; Lý luận và phương pháp giảng dạy, huấn luyện Cờ vua; Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng phát triển tư duy lôgic; luyện trí thông minh; luyện cách nhìn xa, trông rộng, biết phân tích, tổng hợp tình hình khách quan, khoa học; rèn luyện cách làm việc có kế hoạch, quyết đoán, táo bạo trong xử lý tình huống; Thực hành thành thạo các kỹ - chiến thuật cơ bản đã học vào quá trình giảng dạy và thi đấu môn Cờ vua; Có</p>	<p><i>Học liệu bắt buộc:</i></p> <p>1. Nguyễn Hồng Dương (chủ biên), Đặng Văn Dũng, Đàm Quốc Chính, Bùi Ngọc, Trần Văn Trường, Nguyễn Ngọc Tuấn (2015), <i>Giáo trình Cờ vua</i> . nxb TDTT Hà Nội.</p> <p><i>Học liệu tham khảo :</i></p> <p>1. UB TDTT (2013), <i>Luật Cờ vua</i>. Nxb TDTT</p> <p>2. Nguyễn Hồng Dương (chủ biên), Trần Văn Trường, Bùi Ngọc, Hoàng Hải, Nguyễn hải Bằng (2008), <i>Hệ thống bài tập cờ vua</i> Nxb TDTT</p>

			năng lực tổ chức và thực hiện tốt các nhiệm vụ của trọng tài, đảm đương tốt vai trò huấn luyện đội tuyển; Biết soạn giáo án, xây dựng kế hoạch và tổ chức giảng dạy môn Cờ Vua	
	(Chọn 1 trong 2 học phần)			
30	193015	Bơi ếch (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Sự hình thành và phát triển, ý nghĩa tác dụng; nguyên lý kỹ thuật bơi thể thao, luật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài; phương pháp giảng dạy kỹ thuật bơi thể thao</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng quy định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học của kỹ thuật bơi ếch, kỹ thuật bơi trườn sấp; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển học sinh tham gia thi đấu kỹ thuật bơi ếch, kỹ thuật bơi trườn sấp; Có năng lực tổ chức cũng thực hiện tốt vai trò trọng tài môn bơi.</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1. Ngô Xuân Viện (2015), Giáo trình Bơi lội, NXB TDTT</p> <p>Học liệu tham khảo :</p> <p>1. Ủy ban TDTT (2015), Luật Bơi lội, NXB TDTT, Hà Nội</p> <p>2. Nguyễn Văn Trạch (1999), Bơi lội, NXB TDTT, Hà Nội</p>
	193010	Bơi trườn sấp	<p>- <i>Nội dung học phần gồm:</i> Sự hình thành và phát triển, ý nghĩa tác dụng; nguyên lý kỹ thuật bơi thể thao, luật thi đấu và phương pháp tổ chức</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1. Ngô Xuân Viện (2015), Giáo trình Bơi lội, NXB TDTT</p>

			<p>thi đấu, trọng tài; phương pháp giảng dạy kỹ thuật bơi thể thao</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học của kỹ thuật bơi trườn sấp, xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển học sinh tham gia thi đấu kỹ thuật bơi trườn sấp; Có khả năng trọng tài môn bơi trườn sấp.</p>	<p><i>Học liệu tham khảo :</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Ủy ban TDTT (2015), Luật Bơi lội, NXB TDTT, Hà Nội Nguyễn Văn Trạch (1999), Bơi lội, NXB TDTT, Hà Nội
31	191064	Đẩy tạ (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Sự hình thành và phát triển, ý nghĩa tác dụng; nguyên lý kỹ thuật môn đẩy tạ; luật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài; phương pháp giảng dạy môn đẩy tạ.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên thực hiện được kỹ thuật các giai đoạn môn đẩy tạ; lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng quy định và biết cách tổ chức lên lớp giảng dạy môn đẩy tạ; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển học sinh tham gia thi đấu môn đẩy tạ; có năng lực tổ chức cũng như thực hiện tốt vai trò trọng tài môn đẩy tạ.</p>	<p><i>Học liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Nguyễn Đại Dương (2006), <i>Giáo trình Điền kinh</i>, Nxb TDTT. <p><i>Học liệu tham khảo :</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Ủy ban TDTT (2015), <i>Luật Điền kinh</i>, Nxb TDTT. Nguyễn Kim Minh, Nguyễn Trọng Hải, Trần Đồng Lâm, Đặng Ngọc Quang (2004), <i>Giáo trình Điền kinh</i>, Nxb ĐH Sư phạm.
32	192068	Trò chơi vận động (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần trò chơi vận động giúp cho sinh viên hiểu</p>	<p><i>Học liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> Phạm Xuân Thành (Chủ biên), Tham gia biên soạn:

			<p>những nội dung kiến thức cơ bản của môn học. Sự hình thành và phát triển, ý nghĩa, tác dụng, nguyên lý kỹ thuật, chiến thuật, luật thi đấu, phương pháp giảng dạy, Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Hình thành cho sinh viên tư duy logic, năng lực tự chủ trong việc xem xét các vấn đề qua thực tiễn dạy học, giáo dục ở nhà trường . Chủ động lập kế hoạch cũng như triển khai hiệu quả trong công tác hướng dẫn phong trào tập luyện môn trò chơi vận động một cách hiệu quả để nâng cao sức khỏe.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, kế hoạch bài giảng đúng quy định, tổ chức lên lớp giảng dạy giờ học môn trò chơi vận động; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển học sinh tham gia thi đấu môn Trò chơi vận động; Có năng lực tổ chức các trò chơi dân gian và trò chơi có khối lượng cường độ vận động.</p>	<p>Nguyễn Hữu Thái, Đỗ Anh Tuấn, (2014), Giáo trình <i>Trò chơi vận động</i> , NXB TĐTT, Hà Nội.</p> <p>Học liệu tham khảo :</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trần Đồng Lâm, Đinh Mạnh Cường (2007), <i>Giáo trình Trò chơi vận động</i>, NXB, ĐHSP. 2. Đinh Văn Lắm, Đào Bá trì (2008), <i>Giáo trình Trò chơi vận động</i>, NXB TĐTT.
33	192002	Cầu lông (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phân:</i> Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn cầu</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trường ĐH TĐTT Bắc Ninh (2015), <i>Giáo trình cầu</i>

			<p>lông (Tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật phát cầu, kỹ thuật đánh cầu, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật đập cầu trước, trên và sau đầu, phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn cầu lông.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn cầu lông; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển cầu lông; tổ chức một trận đấu, một giải cầu lông; làm trọng tài các trận đấu và giải đấu cầu lông.</p>	<p>lông, NXB, TĐTT.</p> <p><i>Học liệu tham khảo :</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trần Văn Vinh, Nguyễn Trọng Hải, Đào Chí Thành (2007), <i>Giáo trình Cầu lông</i>, NXB, ĐHSP. 2. Trinh Văn Bắc, Đào Tiên Dân, Trần Văn Đồng, Lưu Vũ Lương (2018), <i>Huấn luyện kỹ chiến thuật cho VĐV cầu lông</i>, NXB, Thể thao & Du lịch.
34	192045	Bóng bàn (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phân:</i> Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng bàn (Tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật vụt bóng nhanh thuận tay và vụt bóng nhanh trái tay, kỹ thuật giao bóng, kỹ thuật đỡ giao bóng, kỹ thuật gạt bóng, kỹ thuật gò bóng, phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn bóng bàn; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng bàn</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học lập được kế hoạch giảng</p>	<p><i>Học liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Vũ Thành Sơn, Nguyễn Danh Hoàng Việt (2004), <i>Giáo trình Bóng bàn</i>, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội. <p><i>Học liệu tham khảo :</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Người dịch PGS Nguyễn Văn Trạch, Hiệu đính PGS – PTS Nguyễn Danh Thái (1997), <i>Bóng bàn hiện đại</i>, Nhà xuất bản TĐTT, Hà Nội. 2. Ủy ban TĐTT (2003),

			<p>dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn bóng bàn; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển bóng bàn; tổ chức một trận đấu, một giải bóng bàn; làm trọng tài các trận đấu và giải đấu bóng bàn.</p>	<p><i>Luật thi đấu môn Bóng bàn</i> , NXB TĐTT</p>
35	291003	Đá cầu (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bóng rổ bao gồm: lịch sử hình thành, phát triển và ý nghĩa, tác dụng của tập luyện môn đá cầu, nguyên lý kỹ thuật cơ bản môn đá cầu (tư thế chuẩn bị, kỹ thuật tâng cầu, kỹ thuật đỡ cầu, kỹ thuật chuyền cầu, kỹ thuật đỡ và chuyền cầu, kỹ thuật phát cầu, kỹ thuật đánh đầu, kỹ thuật phối hợp chuyền và đỡ cầu, phương pháp giảng dạy kỹ thuật, phương pháp giảng dạy và sửa sai kỹ thuật, luật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Người học lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn bóng rổ ; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn</p>	<p><i>Học liệu bắt buộc:</i></p> <p>1. Đặng Ngọc Quang (2003), <i>Giáo trình Đá cầu</i>, NXB ĐH Sư phạm.</p> <p><i>Học liệu tham khảo :</i></p> <p>1. UB TĐTT(2003), <i>Luật đá cầu</i>, NXB TĐTT - HN</p> <p>2. Hà Đình Lâm(1998), <i>Tài liệu giảng dạy môn đá cầu</i>, Trường CĐSP TƯ I.</p>

			<p>luyện đội tuyển bóng rổ; tổ chức một trận đấu, một giải bóng rổ; làm trọng tài các trận đấu và giải đấu bóng rổ.</p>	
36	191036	Bóng chuyền (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tu thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng thấp tay và cao tay trước mặt, kỹ thuật phát thấp tay và bóng cao tay trước mặt, kỹ thuật chắn bóng đơn, kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lấy đà, phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng chuyền</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn bóng chuyền; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển bóng chuyền; tổ chức một trận đấu, một giải đấu, làm trọng tài các trận đấu và giải đấu bóng chuyền.</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1. Nguyễn Việt Minh, Hồ Đắc Sơn (2007), <i>Giáo trình Bóngchuyền</i>, NXB ĐHSP, Hà Nội.</p> <p>Học liệu tham khảo :</p> <p>1. Ủy ban TDTT (2003), <i>Luật bóng chuyền - Bóng chuyền bãi biển</i>, NXB, TDTT.</p> <p>2. Ủy ban TDTT (1998), <i>Bóng chuyền và bóng rổ</i>, NXB TDTT, Hà Nội.</p>
37	192003	Bóng đá (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phân trang bị cho sinh viên</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1. TS. Phạm Quang (2011),</p>

			<p>những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý kỹ thuật cơ bản, chiến thuật trong thi đấu Bóng đá. Phương pháp giảng dạy, luật, phương pháp tổ chức và trọng tài bóng đá.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn bóng đá; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển bóng đá; tổ chức một trận đấu, một giải đấu, làm trọng tài các trận đấu và giải đấu bóng đá.</p>	<p><i>Giáo trình Bóng đá</i>, Nxb ĐHSP, Hà Nội</p> <p>Học liệu tham khảo :</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ủy ban TDTT (2003), <i>Luật Bóng đá 5,7, 11 người</i>, Nxb TDTT Hà Nội. 2. PGS.TS Trần Đức Dũng, <i>Giáo trình Bóng Đá</i>, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội 2007
38	193020	Quần vợt (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phân:</i> Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn quần vợt (Tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, Kỹ thuật đánh bóng thuận tay xoáy lên (Đoa phải), Kỹ đánh bóng trái bằng 2 tay xoáy lên (Đoa trái 2 tay), Kỹ thuật đánh bóng thấp tay bên phải và bên trái (Cắt bóng thấp), Kỹ thuật giao bóng, Kỹ thuật đập bóng (Smat), Kỹ thuật vô lê trên lưới (Đánh lưới), Kỹ thật lóp bóng (Đánh bóng cao sâu), Đấu tập (Đơn và đôi), phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn Quần vợt.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i></p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. ThS. Trần Văn Vinh, ThS Đào Chí Thành – Lê Thanh Sang (2010), <i>Giáo trình quần vợt</i>, NXB TDTT. <p>Học liệu tham khảo :</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. UB TDTT (2002), <i>Luật quần vợt</i> - NXB TDTT 2. Ths Ngô Hải Hưng (2011); <i>Quần vợt, kỹ thuật và phương pháp tập luyện</i> - NXB TDTT HN.

			Người học lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn Quần vợt; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển Quần vợt; tổ chức một trận đấu, một giải Quần vợt; làm trọng tài các trận đấu và giải đấu Quần vợt	
	(chọn 1 trong 2 học phần)			
39	192026	VOVINAM (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Lịch sử hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật, phương pháp giảng dạy; Các kỹ thuật cơ bản về nhập môn Vovinam – Việt võ đạo, Tôn chỉ, mục đích, ý nghĩa tác dụng tập luyện Vovinam – Việt võ đạo và các nguyên nhân gây chấn thương trong thể thao và cách đề phòng để đảm bảo an toàn trong tập luyện và thi đấu; Luật thi đấu</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có năng lực tổ chức và thực hiện tốt các nhiệm vụ của trọng tài, đảm đương tốt vai trò huấn luyện đội tuyển học sinh các cấp tham gia thi đấu các giải do địa phương và cấp trên tổ chức; Biết soạn giáo án và tổ chức</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu (2008) “<i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i>” tập 1, NXB TDTT.</p> <p>Học liệu tham khảo :</p> <p>1. Tổng cục TDTT (2018), “<i>Luật thi đấu Vovinam – Việt Võ đạo</i>”, NXB HĐ.</p> <p>2. Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiêu (2011), “<i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i>” tập 2, NXB TDTT.</p>

			giảng dạy môn Vovinam – Việt Võ Đạo	
192006	Taekwondo (3 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần gồm: Lịch sử hình thành và phát triển môn võ Taekwondo; kỹ thuật, phương pháp giảng dạy; Kỹ thuật cơ bản về nhập môn Taekwondo, ý nghĩa tác dụng tập luyện Taekwondo thi đấu; Luật thi đấu.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên có năng lực, đảm đương tốt vai trò huấn luyện đội tuyển học sinh các cấp, tham gia thi đấu các giải do địa phương và cấp trên tổ chức tổ chức và thực hiện tốt các nhiệm vụ của trọng tài, Biết soạn giáo án và tổ chức giảng dạy môn Taekwondo.</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1. Nguyễn Văn Chung (1999), <i>Giáo trình Taekwondo</i>, Nxb TĐTT.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Khúc Văn Bốn (1989), <i>Phương pháp giảng dạy Taekwondo</i>. Nxb TĐTT,</p> <p>2. Nguyễn Hùng Sơn (1992), <i>Kỹ thuật Taekwondo</i>. Nxb TĐTT.</p>	
40	292049	Bóng rổ (3 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần gồm: Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyền bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ , phương pháp giảng dạy); các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ.</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1. Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), <i>Giáo trình Bóng rổ</i>, NXB, ĐHSP.</p> <p>Học liệu tham khảo :</p> <p>1. Ủy ban thể dục thể thao (2006), <i>Luật Bóng rổ</i>, NXB TĐTT.</p> <p>2. Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), <i>Giáo trình bóng rổ</i>, NXB ĐH Thái Nguyên.</p>

			<p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên hiểu và ứng dụng được kiến thức chuyên môn vào thực tiễn dạy học trong trường học. Làm mẫu chính xác các kỹ thuật động tác, phương pháp tổ chức tập luyện và hướng dẫn cho học sinh thực hiện đúng các kỹ thuật môn bóng rổ</p>	
41	192004	Cầu lông chuyên sâu (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn cầu lông (Tư thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật phát cầu, kỹ thuật đánh cầu, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật đập cầu trước, trên và sau đầu, phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn cầu lông</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn cầu lông; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển cầu lông; tổ chức một trận đấu, một giải cầu lông; làm trọng tài các trận đấu và giải đấu cầu lông</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1. Trường ĐH TDTT Bắc Ninh (2015), <i>Giáo trình cầu lông</i>, NXB, TDTT.</p> <p>Học liệu tham khảo :</p> <p>1. Trần Văn Vinh, Nguyễn Trọng Hải, Đào Chí Thành (2004), <i>Giáo trình Cầu lông</i>, NXB, ĐHSPT.</p> <p>2. Trinh Văn Bắc, Đào Tiến Dân, Trần Văn Đồng, Lưu Vũ Lương (2018), <i>Huấn luyện kỹ chiến thuật cho VĐV cầu lông</i>, NXB, Thể thao & Du lịch.</p>
42	193003	Bóng chuyền chuyên sâu (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Xu hướng phát triển bóng chuyền hiện đại; nguyên lý và các kỹ thuật môn bóng</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1. Nguyễn Việt Minh, Hồ Đắc Sơn (2007), <i>Giáo trình Bóng chuyền</i>, NXB ĐHSPT, HN.</p>

			<p>chuyên (kỹ thuật di chuyển trong chiến thuật, kỹ thuật chuyên bóng thấp tay và cao tay trước mặt, kỹ thuật phát thấp tay và bóng cao tay trước mặt, kỹ thuật chắn bóng đơn và tập thể kỹ thuật đập bóng cơ bản, đập bóng xoay tay, đập bóng nhanh, đập bóng lao); chiến thuật trong thi đấu; huấn luyện thể lực chung và chuyên môn; phương pháp giảng dạy bóng chuyên; tổ chức thi đấu trọng tài các giải bóng chuyên</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn bóng chuyên; lập kế hoạch huấn luyện đội tuyển bóng chuyên; tổ chức một trận đấu, một giải bóng bóng; làm trọng tài các trận đấu và giải đấu bóng chuyên. Tham gia thi đấu các giải bóng chuyên và đạt đẳng cấp 3 môn bóng chuyên</p>	<p><i>Học liệu tham khảo :</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ủy ban TDTT (2003), <i>Luật bóng chuyên - Bóng chuyên bãi biển</i>, NXB, TDTT. 2. Ủy ban TDTT (1998), <i>Bóng chuyên và bóng rổ</i>, NXB TDTT, Hà Nội.
43	192005	Bóng đá chuyên sâu (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần trang bị cho sinh viên những bài tập, phương pháp tập luyện, đội hình thi đấu, chiến thuật trong thi đấu Bóng đá. Phương pháp</p>	<p><i>Học liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Phạm Quang (2011), <i>Giáo trình bóng đá</i>, NXB, TDTT. (<i>Chương: Từ 7 đến</i>

			<p>giảng dạy, luật, phương pháp tổ chức và trọng tài bóng đá.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn bóng đá; lập kế hoạch huấn luyện đội tuyển bóng đá; tổ chức một trận đấu, một giải bóng đá; làm trọng tài các trận đấu và giải đấu bóng đá. Tham gia thi đấu các giải bóng đá và đạt đẳng cấp 3 môn bóng đá</p>	<p><i>II)</i></p> <p><i>Học liệu tham khảo :</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Ủy ban TDTT, <i>Luật Bóng đá sân 5,7,11 người</i>, Nxb TDTT. 2. PGS.TS Trần Đức Dũng, <i>Giáo trình Bóng Đá</i>, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội 2007
44	193004	Bóng rổ chuyên sâu (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển môn bóng rổ, Luật Bóng rổ, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài giải bóng rổ phong trào; thực hành tốt các kỹ thuật động tác của bóng rổ, hình thành một số kỹ năng - kỹ xảo cơ bản; Làm mẫu chính xác các kỹ thuật động tác, phương pháp tổ chức tập luyện và hướng dẫn cho học sinh thực hiện đúng các kỹ thuật môn bóng rổ, nắm được phương pháp tổ chức tập luyện, hình thức tập luyện, các bài tập chiến thuật ỏp dụng vào tập luyện và thi đấu. Xây dựng kế hoạch giảng dạy, kế hoạch tập luyện cho các đội tuyển học sinh. Tham gia thi đấu các giải bóng rổ và đạt đẳng cấp 3 VĐV bóng rổ</p>	<p><i>Học liệu bắt buộc:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), <i>Giáo trình bóng rổ</i>, NXB, ĐHSPT.(Chương: 3, 4, 5) <p><i>Học liệu tham khảo :</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. UBTDTT (2003), <i>Luật Bóng rổ</i>, NXB, TDTT. 2. Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), <i>Giáo trình Bóng rổ</i>, NXB Đại học Thái Nguyên.

			<p>- <i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>Sinh viên hiểu sâu và ứng dụng được kiến thức chuyên môn vào thực tiễn dạy học trong trường học và cơ sở trung tâm thể dục thể thao. Làm mẫu chính xác các kỹ thuật động tác, phương pháp tổ chức tập luyện và hướng dẫn cho học sinh thực hiện đúng các kỹ thuật môn bóng rổ.</p>	
III	Kiến thức bổ trợ			
	(Chọn 1 trong 2 học phần)			
45	193006	Vệ sinh TDTT (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản bao gồm: phương pháp vệ sinh cá nhân, vệ sinh cộng đồng, vệ sinh tập luyện, áp dụng vào hoạt động tập luyện và thi đấu TDTT; Điều chỉnh lượng vận động cho người tập khi gặp những điều kiện khác nhau về sự thay đổi thời tiết (Nắng, mưa, gió.. áp suất...); Phương pháp xây dựng thời gian biểu học tập và tập luyện trong ngày, chu kỳ huấn luyện, những nguyên tắc cơ bản của việc rèn luyện thân thể thông qua học tập, tập luyện TDTT. Nhu cầu và khẩu phần thức ăn, nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng tập luyện khác nhau; Những nguyên tắc cơ bản của vệ sinh TDTT trong công tác huấn luyện và đào tạo VĐV đỉnh cao.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1. PGS.TS. Lưu Quang Hiệp (2001) <i>Vệ sinh Thể dục thể thao</i>. Nxb TDTT,HN.</p> <p>Học liệu tham khảo :</p> <p>1. Trường CĐSPTDTT TW2 (1998), <i>Vệ sinh học TDTT</i>, NXB, GD</p> <p>2. Lê Xuân Bình, Phạm Năng Cường (1997), <i>Hướng dẫn Vệ sinh phòng bệnh trong nhà trường</i>, NXB, Y học.</p>

		<p>viên có năng lực nhìn nhận vệ sinh TDTT trong sự vận động và các mối quan hệ trong tập luyện và sinh hoạt cá nhân trong thi đấu và tập luyện phù hợp với điều kiện môi trường, lứa tuổi, giới tính, chịu trách nhiệm về kế hoạch tập luyện, bảo hiểm tập luyện trong hoạt động GDTC để nâng cao sức khoẻ.</p>	
193007	Y học TDTT (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Phương pháp, hình thức và nội dung kiểm tra y học TDTT, sự phát triển thể lực, các yếu tố ảnh hưởng đến thể lực thông qua tập luyện TDTT; nguyên nhân chấn thương, phương pháp đề phòng. Xử lý kịp thời những dạng chấn thương nhẹ mắc phải trong quá trình tập luyện và thi đấu TDTT; Trạng thái bệnh lý trong tập luyện và thi đấu thể thao; Xây dựng kế hoạch tập luyện theo quy trình kiểm tra y học và tuân thủ các chỉ định của y học; Cách thức tuyển chọn, đánh giá để lựa chọn vận động viên trẻ thông qua các phương pháp kiểm tra và đánh giá thể hình.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Xử lý kịp thời những dạng chấn thương nhẹ mắc phải trong quá trình tập luyện và thi đấu TDTT; Trạng thái bệnh lý trong tập luyện và thi đấu thể thao; Xây dựng kế hoạch tập luyện theo quy trình kiểm tra y học và tuân thủ các chỉ định của y học; Cách thức tuyển chọn, đánh giá để</p>	<p><i>Học liệu bắt buộc:</i></p> <p>1. PGS.TS.Luu Quang Hiệp, ThS.Lê Đức Chương, BS.Vũ Chung Thủy, Lê Hữu Hưng, (2000). Y học TDTT, NXB TDTT, HN.</p> <p><i>Học liệu tham khảo :</i></p> <p>1. Nguyễn Thị Hồng - Lê Quý Phương, Vũ Chung Thực, Lê Gia Vinh (2005), <i>Vệ sinh và y học TDTT</i>, NXB ĐHSP.</p> <p>2. Luu Quang Hiệp (2001), <i>Vệ sinh TDTT</i>, NXB TDTT.</p>

			lựa chọn vận động viên trẻ thông qua các phương pháp kiểm tra và đánh giá thể hình.	
46	(Chọn 1 trong 2 học phần)			
	193012	Quản lý TDTT (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Cơ sở khoa học của quản lý TDTT, bản chất, nguyên tắc, phương pháp, mục tiêu và chức năng quản lý; kết cấu quản lý và nguyên lý hiện đại, hệ thống tổ chức quản lý thể dục thể thao ở Việt Nam; công tác cán bộ quản lý và quản lý TDTT (thể thao trường học, thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao); các hoạt động quản lý thể dục thể thao (hoạt động thông tin, kiểm tra, tuyên truyền thể dục thể thao).</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có kiến thức cơ bản về quản lý TDTT, xây dựng và triển khai được các hoạt động quản lý thể dục thể thao trong lĩnh vực và cương vị công tác của mình đạt hiệu quả cao như: Lập kế hoạch quản lý TDTT, tuyển chọn cán bộ quản lý, xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý, tuyên truyền thể thao, kiểm tra công tác thể thao.</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1. Nguyễn Cẩm Ninh, Phạm Đình Bẩm, Đặng Đình Minh, Phạm Việt Hùng (2015), <i>Giáo trình quản lý thể dục thể thao</i>, Nxb TDTT Hà Nội.</p> <p>Học liệu tham khảo :</p> <p>1. Phạm Đình Bẩm, Nguyễn Tuấn Hiếu (2008), <i>Giáo trình quản lý thể dục thể thao</i>, Nxb TDTT Hà Nội.</p> <p>2. Phạm Đình Bẩm(2003), <i>Quản lý thể dục thể thao</i>, Nxb TDTT Hà Nội.</p>
	193014	Lịch sử TDTT & Olympic (2 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần Lịch sử thể dục thể thao và Olympic, cung cấp một hệ thống kiến thức về lịch sử TDTT; sự hình thành các quan điểm; các trường phái TDTT; các kì đại hội Olympic từ thời kỳ cổ đại, trung đại, cận đại cho đến nay; sự nảy sinh và phát</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1. PGS.TS Nguyễn Xuân Sinh (Chủ biên) 2009, <i>Lịch sử Thể Dục Thể Thao</i>, Sách giáo khoa dành cho sinh viên ĐH TDTT NXB Thể Dục Thể Thao Hà Nội.</p>

			<p>triển của phong trào TĐTT hiện đại trên thế giới cũng như ở Việt Nam trước và sau cách mạng tháng 8 năm 1945..</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên biết vận dụng những kiến thức được học vào việc giải thích quá trình hình thành và phát triển TĐTT nói chung. Lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn lịch sử TĐTT, có cách nhìn đúng đắn và hình thành ý thức trân trọng, bảo vệ những giá trị của TĐTT dân tộc, nhận thức được sự khác biệt, tính đa dạng của các nền văn hóa trên thế giới. Sinh viên đánh giá được giá trị và những đóng góp của TĐTT cổ đại, hiện đại đối với sự phát triển của lịch sử nhân loại</p>	<p><i>Học liệu tham khảo:</i></p> <p>1. Mai Văn Muôn 1989, <i>Trò chơi xưa và nay</i>. NXB TĐTT, Hà Nội.</p> <p>2. Trường Đại học TĐTT (2010), <i>Lịch sử TĐTT chương trình môn học</i> NXB TĐTT, Hà Nội.</p>
IV	Thực tập/KLTN/HP thay thế			
47	132005	Kiến tập	<p><i>Nội dung học phân:</i> Sinh viên vận dụng các kiến thức giáo dục học, tâm lý học và kiến thức chuyên ngành GDTC để thực hiện kiến tập sư phạm ở các trường phổ thông như: Tìm hiểu chung về trường, lớp, về các mô hình giáo dục phổ thông, về chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu của giáo dục phổ thông, về chương trình giáo dục phổ thông đang thực hiện tại trường và về các hoạt động chung của trường; tập làm giáo viên chủ nhiệm lớp, dự</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>Tài liệu 1: Bộ sách giáo khoa Thể dục phổ thông mới.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>Tài liệu 2: Quyết định Số 1435/QĐ-ĐHHD ngày 24 tháng 9 năm 2020, về việc ban hành Quy định kiến tập, thực tập sư phạm của Trường Đại học Hồng Đức</p> <p>Tài liệu 3: Bộ sách giáo khoa, tài liệu tham khảo Thể dục phổ thông nâng cao.</p>

			<p>giờ, đánh giá, rút kinh nghiệm các hoạt động giáo dục và giờ giảng trong quá trình kiến tập.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên bước đầu có được năng lực nghề nghiệp cơ bản: Xây dựng kế hoạch dạy học, quản lý lớp học; chủ nhiệm được lớp học và dạy học Thể dục, bước đầu đánh giá các hoạt động cơ bản giáo dục ở bậc phổ thông.</p>	
48	132005	Thực tập	<p><i>Nội dung học phần:</i> Sinh viên tìm hiểu về toàn diện thực tiễn của trường phổ thông về chức năng, nhiệm vụ của trường phổ thông, giáo viên phổ thông, về chương trình giáo dục phổ thông, công tác xã hội hóa giáo dục ở các trường phổ thông nơi sinh viên thực tập. Tham gia thực tập giảng dạy như lập kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án, dự giờ và tập giảng dạy các tiết dạy môn thể dục ở bậc phổ thông. Thực tập chủ nhiệm các lớp học bậc phổ thông như dự giờ chủ nhiệm, lập kế hoạch chủ nhiệm, tham gia chủ nhiệm lớp. Đánh giá rút kinh nghiệm, viết báo cáo quá trình thực tập.</p> <p><i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên có được năng lực nghề nghiệp của giáo viên phổ thông như: Năng lực chủ nhiệm lớp học, giảng dạy</p>	<p>Tài liệu bắt buộc Tài liệu 1: Bộ sách giáo khoa Thể dục phổ thông mới.</p> <p>Tài liệu tham khảo: Tài liệu 2: Quyết định Số 1435/QĐ-ĐHHD ngày 24 tháng 9 năm 2020, về việc ban hành Quy định kiến tập, thực tập sư phạm của Trường Đại học Hồng Đức</p> <p>Tài liệu 3: Bộ sách giáo khoa, tài liệu tham khảo Thể dục phổ thông nâng cao.</p>

			môn thể dục, tổ chức và đánh giá được các hoạt động giáo dục cơ bản ở bậc phổ thông, hình thành nhân cách, đạo đức của nhà giáo.	
	(Chọn 1 trong 2 học phần)			
49	193021	Thể dục AEROBIC (3 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Khái quát về sự phát triển, kỹ thuật cơ bản của thể dục aerobic; phương pháp giảng dạy thể dục aerobic cơ bản, phương pháp biên soạn bài thể dục aerobic, luật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng quy định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn thể dục aerobic; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển học sinh tham gia thi đấu môn aerobic; Có năng lực tổ chức cũng thực hiện tốt vai trò trọng tài môn aerobic.</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1. Đinh Khánh Thu (2014) <i>Giáo trình Thể dục Aerobic</i>; TDTT HN.</p> <p>Học liệu tham khảo :</p> <p>1. Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lãm, Trần Phúc Phong, Trương Anh Tuấn (2009) <i>Thể dục</i>; TDTT HN.</p> <p>2. Đặng Quốc Nam (2014), <i>Thể dục tập I, II</i> NXB TDTT</p>
	193023	Khiêu vũ thể thao	<p>- Nội dung học phần: Khái quát về sự phát triển, kỹ thuật cơ bản của Khiêu vũ thể thao, phương pháp giảng dạy Khiêu vũ thể thao cơ bản, phương pháp biên soạn bài Khiêu vũ thể thao, luật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng quy định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1. Vũ Thanh Mai-Chủ biên 2011, <i>Giáo trình khiêu vũ thể thao</i>; TDTT HN.</p> <p>Học liệu tham khảo :</p> <p>1. Nguyễn Xuân Sinh (2009), <i>Thể dục</i>; TDTT HN.</p> <p>2. Đặng Quốc Nam (2014), <i>Thể dục tập I, II</i> NXB TDTT</p>

			môn khiêu vũ thể thao; xây dựng kế hoạch giảng dạy khiêu vũ thể thao	
	(Chọn 1 trong 2 học phần)			
49	191081	Nhảy cao năm nghiêng và úp bụng (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Sự hình thành và phát triển, ý nghĩa tác dụng; nguyên lý kỹ thuật; luật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài; phương pháp giảng dạy môn nhảy cao năm nghiêng và úp bụng.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên thực hiện được kỹ thuật các giai đoạn môn nhảy cao năm nghiêng và úp bụng; lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng quy định và biết cách tổ chức lên lớp giảng dạy môn nhảy cao năm nghiêng và úp bụng xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển học sinh tham gia thi đấu môn nhảy cao; có năng lực tổ chức cũng như thực hiện tốt vai trò trọng tài môn nhảy cao.</p>	<p>. Học liệu bắt buộc:</p> <p>1. Nguyễn Đại Dương (2006), <i>Giáo trình Điền kinh</i>, Nxb TDTT.</p> <p>Học liệu tham khảo :</p> <p>1. Ủy ban TDTT (2015), <i>Luật Điền kinh</i>, Nxb TDTT.</p> <p>2. Nguyễn Đại Dương (2009), <i>Nhảy cao</i>, Nxb TDTT.</p>
	191082	Nhảy cao lưng qua xà (3 tín chỉ)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Sự hình thành và phát triển, ý nghĩa tác dụng; nguyên lý kỹ thuật; luật thi đấu và phương</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1. Nguyễn Đại Dương (2006), <i>Giáo trình Điền kinh</i>, Nxb TDTT.</p>

		<p>pháp tổ chức thi đấu, trọng tài; phương pháp giảng dạy môn nhảy cao lưng qua xà.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i> Sinh viên thực hiện được kỹ thuật các giai đoạn môn nhảy cao nằm nghiêng và úp bụng; lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng quy định và biết cách tổ chức lên lớp giảng dạy môn nhảy cao lưng qua xà; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển học sinh tham gia thi đấu môn nhảy cao; có năng lực tổ chức cũng như thực hiện tốt vai trò trọng tài môn nhảy cao.</p>	<p><i>Học liệu tham khảo :</i></p> <p>1. Ủy ban TDTT (2015), <i>Luật Điền kinh</i>, Nxb TDTT.</p> <p>2. Nguyễn Đại Dương (2009), <i>Nhảy cao</i>, Nxb TDTT.</p>
--	--	---	---

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất		Năm thứ hai	
Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2
<ul style="list-style-type: none"> - Triết học Mác-Lênin (3TC) - Tiếng Anh 1 (4TC) - Tin học (2TC) - Giải phẫu TDTT (2TC) - LL&PP Thể dục thể thao (3TC) - Chạy ngắn, tiếp sức và trung bình 	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế chính trị Mác-Lênin(2TC) - Môi trường và con người(2TC) - Cơ sở văn hóa Việt nam(2TC) - Tiếng Anh 2(3TC) - Vệ sinh TDTT (Y 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ nghĩa xã hội khoa học(2TC) - Pháp luật đại cương(2TC) - Tiếng Anh 3(3TC) - Tâm lý học(4TC) - Đo lường TDTT (PP TK trong TDTT)(2TC) - Đẩy tạ (2TC) - Thể dục aerobic 	<ul style="list-style-type: none"> - Lịch sử ĐCS VN(2TC) - Tư tưởng HCM(2TC) - Xác suất thống kê(2TC) - Giáo dục học(4TC) - PP NCKH TDTT(2TC) - Cầu lông(3TC)

(2TC) - Thể dục (2TC)	học TDTT)(2TC) - Nhảy xa (Nhảy ba bước) (2TC) - Thể dục tự do(2TC) - Cờ vua (2TC)	(3TC)	- Trò chơi vận động (2TC)
Số TC: 18	Số TC: 17	Số TC: 18	Số TC: 17
Năm thứ ba		Năm thứ 4	
Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2 (18TC)
- Sinh lý TDTT(2TC) - Đá cầu(2TC) - Bóng chuyền(3TC) - Bóng bàn(2TC) - Cầu lông chuyên sâu(3TC) - Kiến tập(2TC)	- Tâm lý học TDTT(2TC) - Quản lý TDTT (Lịch sử TDTT & Olympic)(2TC) - Sinh hoá TDTT (Sinh cơ TDTT)(2TC) - Bóng đá(3TC) - Quần vợt (2TC) -Bóng chuyền chuyên sâu(3TC)	- Quản lý HCNN & QLGD(2TC) - Bơi thể thao(3TC) - Võ Vovinam(3TC) - Bóng rổ (3TC) - Bóng đá chuyên sâu(3TC)	- Bóng rổ chuyên sâu(3TC) - Thực tập sư phạm(5TC) - LL&PP GDTC trong trường học (LL&PP GDTC)(3TC) - Nhảy cao nằm nghiêng và úp bụng (Nhảy cao lưng qua xà)(3TC)
Số TC: 14	Số TC: 14	Số TC: 14	Số TC: 14